

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chất.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Hoàng Sĩ Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Hà Thị Khánh L**, sinh năm 1986.

ĐKKHTT: Phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh **Cao Văn P**, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: T, Phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Vắng mặt).

**3. Người làm chứng:** Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1965, địa chỉ: T, Phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị Khánh L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Á (nay là phường Á), thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình anh P. Tuy nhiên sau đó anh chị nảy sinh mâu thuẫn, bất hòa, vợ chồng không tôn trọng nhau. Năm 2013 chị L đi lao động tại Đài Loan và năm 2014 anh P cũng sang Đài Loan lao động tuy nhiên vợ chồng không ở chung. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên gay gắt, không ai quan tâm đến ai. Năm 2019 chị L về Việt Nam nhưng đã chuyển về nhà mẹ đẻ sống ở thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị L và anh P đã ly thân từ năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không liên lạc gì. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chung sống không có hạnh phúc, không thể hòa giải mâu thuẫn nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị L hôn với anh P để ổn định được cuộc sống mới.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Cao Việt P1, sinh ngày 03/7/2011, hiện đang ở cùng với ông bà nội, cháu có chỗ ở và nơi học tập ổn định, được ông bà chăm sóc từ bé chu đáo và cháu có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội. Khi vợ chồng ly hôn Chị L đề nghị tòa án giải quyết cho anh P nuôi con và nay anh P đang không ở Việt Nam thì do ông bà nội cháu thay anh P nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện cấp dưỡng số tiền 2.000.000/01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

***Tại các biên bản lấy lời khai, mẹ đẻ của anh Cao Văn P là bà Nguyễn Thị C trình bày:*** Bà C là mẹ đẻ của anh Cao Văn P và chị L là vợ anh P và là con dâu của bà. Anh P và chị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Á (nay là phường Á). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung cùng gia đình bà. Mâu thuẫn của anh P và chị L cụ thể thì bà cũng không nắm được. Năm 2013 chị L đi lao động tại Đài Loan và năm 2014 anh P cũng sang Đài Loan lao động và gửi con cho bà chăm sóc từ bé đến nay. Năm 2019 chị L về nước nhưng chuyển về nhà mẹ đẻ ở còn con chung của anh P và chị L vẫn ở cùng bà C và do bà chăm sóc nuôi dưỡng. Do anh P không nói địa chỉ cụ thể nên bà

không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh P tại Đài Loan cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh P nên bà C nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh P biết việc chị L đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho anh P biết. Qua trao đổi thì bà được anh P cho biết anh P có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, hiện anh P không có mặt ở Việt Nam nên đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Anh P xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng, hiện đang ở cùng với bà C. Khi ly hôn anh P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung do hiện anh P không có mặt ở Việt Nam nên ủy quyền cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Về chi phí chăm sóc cháu thì bà C xác định do bà và anh P tự thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết. Chị L có quan điểm tự nguyện cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi thì anh P đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung anh P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên anh P không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh P và tổng đạt các văn bản thông qua mẹ đẻ anh là bà C. Bà C đồng ý nhận thay để thông báo cho anh P. Ngoài ra bà C không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

**Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.**

**Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận xử cho chị Hà Thị Khánh L được ly hôn anh Cao Văn P. Giao cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Cao Việt P1, sinh năm 2011 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị L cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/1 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Hà Thị Khánh L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Cao Văn P là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo Công văn của Cục quản lý xuất nhập cảnh, anh P xuất cảnh vào ngày 28/01/2018. Từ đó đến nay anh P chưa nhập cảnh lần nào.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh P ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh P tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu mẹ đẻ anh P là bà Nguyễn Thị C cung cấp địa chỉ của anh P đến lần thứ hai nhưng bà C cũng không biết địa chỉ của anh P tại Đài Loan. Tuy nhiên bà C vẫn liên lạc được với anh P nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh P. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị L vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Chị L và anh P là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị L và anh P tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Á Quốc (nay là phường Á Quốc), thành phố H nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh P. Năm 2013 chị L đi lao động tại Đài Loan và năm 2014 anh P cũng sang Đài Loan lao động tuy nhiên vợ chồng không ở chung. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên gay gắt, không ai quan tâm đến ai. Năm 2019 chị L về Việt Nam nhưng đã chuyển về nhà mẹ đẻ sống ở thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị L và anh P đã ly thân từ năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không liên lạc gì.

Xét thấy hôn nhân của chị L và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua bà C thì anh P cũng xác định vợ chồng ly thân đã lâu, đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật nên cần chấp nhận cho chị L ly hôn với anh P là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[3] Về quan hệ con chung:** Anh chị có 01 con chung là Cao Việt P1, sinh ngày 03/7/2011, hiện đang ở cùng với ông bà nội, cháu có chỗ ở và nơi học tập ổn định, được ông bà chăm sóc từ bé chu đáo và cháu có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội. Bản thân anh P và chị L đều có nguyện vọng đề nghị tòa án giải quyết cho anh P nuôi con, nay anh P không có mặt ở Việt Nam thì anh P ủy quyền cho bà C là mẹ đẻ anh P thay anh chăm sóc cháu P1. Bà C xác định nhận nhận ủy quyền của anh P để nuôi dưỡng cháu P1, chi phí nuôi dưỡng bà C và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị L tự nguyện cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh P đồng ý.

Xét thấy quan điểm của anh chị có sự thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và do mẹ đẻ của anh P là bà C chăm sóc thay trong thời gian anh P không ở Việt Nam. Chi phí chăm sóc cháu P1 do bà C và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

**[4] Về quan hệ tài sản chung:** Chị L và anh P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

**[5] Về án phí:** Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị **Hà Thị Khánh L** được ly hôn anh **Cao Văn P.**

**2. Về quan hệ con chung:** Giao cho anh Cao Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Cao Việt P1, sinh ngày 03/7/2011 đến khi trưởng thành và do bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965, địa chỉ tại T, Phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương tiếp tục thay anh P chăm sóc trong thời gian anh P không ở Việt Nam. Chị Hà Thị Khánh L có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Hà Thị Khánh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.*

**3. Về án phí:** Chị Hà Thị Khánh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do chị L đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2021/0001081 ngày 23/6/2022. Chị Hà Thị Khánh L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Hà Thị Khánh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Cao Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Á, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chất**

